

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2017/DS-ST

Ngày: 28/8/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-DS ngày 20/4/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2017/QĐST-DS ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường B, Phường 12, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn P (Văn bản uỷ quyền số 579/UQTT-QTRR.17 ngày 29/5/2017)

2. *Bị đơn:* Bà Cao Thái N

Cư trú: 131/6/1 đường số 6, tổ 4, khu phố 1, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Bà Cao Thái N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, N đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M (sau đây gọi tắt là: Công ty Tài chính V) có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào ngày 05/01/2014, bà Cao Thái N có ký hợp đồng tín dụng số 20150108-801002-0021 với Công ty Tài chính V. Nội dung của hợp đồng thoả thuận như sau:

Công ty Tài chính V cho bà N vay số tiền 31,650,000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Lãi suất cho vay: 3,75%/tháng. Tổng số tiền bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính V là 48,540,000 đồng, trả góp trong vòng 24 tháng. Trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả góp 2,024,000 đồng, tháng cuối cùng trả 1,988,000 đồng. Bắt đầu từ ngày 13/02/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận được khoản tiền vay thông qua tài khoản thẻ do bà N mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V và đã thanh toán cho N đơn được 03 kỳ thanh toán với số tiền là 6,072,000 đồng, trong đó gồm 2,606,728 đồng tiền nợ gốc và 3,465,272 đồng tiền nợ lãi. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên N đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho N đơn số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 29,043,272 đồng.

* Bị đơn bà Cao Thái N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án vào các ngày 16/5/2017, ngày 19/6/2017, ngày 14/7/2017 nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bà N được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Toà án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của N đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với khoản nợ gốc mà bà Cao Thái N chưa thanh toán 29,043,272 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của N đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Cao Thái N có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 131/6/1 đường số 6, tổ 4, khu phố 1, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Phiếu kết quả xác minh của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Cao Thái N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

- Về nội dung:

Căn cứ vào nội dung Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150108-801002-0021 ngày 05/01/2014 do bà Cao Thái N lập, có sự phê duyệt của Công ty Tài chính V ngày 13/01/2015 có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và bà Cao Thái N đã phát sinh quan hệ vay tài sản.

Theo hợp đồng, Công ty Tài chính V đã cho bà N vay số tiền 31,650.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 48,540,000 đồng, chia thành 24 kỳ thanh toán, 23 kỳ thanh toán đầu mỗi tháng bà N phải đóng 2,024,000 đồng, tháng cuối cùng phải đóng 1,988,000 đồng. Thực hiện hợp đồng, bà N mới chỉ thanh toán được 2,606,728 đồng tiền nợ gốc và 3,465,272 đồng tiền nợ lãi. Mặc dù hợp đồng vay đã hết hạn từ ngày 13/01/2017 nhưng cho đến nay bà Cao Thái N vẫn còn nợ Công ty Tài chính V số tiền 42,468,000 đồng, trong đó có nợ gốc: 29,043,272 đồng, nợ lãi: 13,424,728 đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29,043,272 đồng, không yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ lãi. Số tiền nợ mà Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán thấp hơn số dư nợ thực tế của hợp đồng tín dụng, có lợi cho bị đơn, nhằm tạo điều kiện cho bà Cao Thái N thanh toán tiền nợ.

Tại phiên toà, ngoài các chứng cứ do Ngân hàng VPB giao nộp cho Toà án, bà Cao Thái N không giao nộp bất cứ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính V số tiền nợ gốc là: 29,043,272 đồng.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thái N phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính V.

Công ty Tài chính V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M .

Buộc bà Cao Thái N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M số tiền nợ gốc là: 29,043,272 đồng.

Trường hợp Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Cao Thái N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thái N phải chịu án phí sơ thẩm là 1,452,164 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 726,081 đồng theo biên lai thu số 0015212 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Cao Thái N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Minh

